

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân

Đợt 36: Đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ, thưởng tiến độ GPMB của 13 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thuộc địa bàn xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 21/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân thuộc địa bàn huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại Tờ trình số 2381/TTr-BQLGT ngày 14/10/2022 và Biên bản cuộc họp ngày 18/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ, thưởng tiến độ GPMB của 13 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân thuộc địa bàn xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 13 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ, thưởng tiến độ GPMB thuộc địa bàn xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là: **4.826.383.000 đồng** (Bốn tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi ba ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ:	4.722.488.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ về đất:	3.102.673.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ về nhà:	1.263.772.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc:	208.728.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng:	37.815.000 đồng;
+ Các khoản hỗ trợ khác + thưởng tiến độ GPMB	109.500.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	94.450.000 đồng
- Chi phí dự phòng cưỡng chế:	9.445.000 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn chi phí bồi thường, GPMB của dự án nêu trên.

(Kèm theo Phụ lục và Phương án chi tiết theo Văn bản số 2381/TTr-BQLGT ngày 14/10/2022 của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân).

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA

Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các cá nhân, tổ chức có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân
Địa điểm: xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

Đợt 36: Bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ + thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đo đạc phục vụ dự án năm 2020 - 2021					Thành tiền (Đồng)					Tổng tiền (đồng)
			Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích (m2)	DT thu hồi (m2)	DT còn lại (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về nhà	Bồi thường, hỗ trợ về VKT	Bồi thường cây trồng	Các khoản hỗ trợ khác + thưởng tiến độ GPMB	
I. Các trường hợp giải tỏa trắng, có GCN QSD đất ở (02 trường hợp)													
1	Ông Mai Văn Hùng	99/1 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	10	962	94,50	94,50	-	472.500.000	-	-	-	-	472.500.000
2	Ông Trương Lộc Sơn	Thôn Nhân Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	10	964	94,50	94,50	-	472.500.000	-	-	-	-	472.500.000
II. Các trường hợp giải tỏa trắng, không có giấy tờ về QSD đất (02 trường hợp)													
3	Hộ bà Mai Thị Nhân	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận, Tuy Phước	56	28	101,00	101,00	-	441.000.000	138.205.000	41.014.000	2.719.000	29.000.000	651.938.000
4	Hộ ông Nguyễn Ngọc Bích	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận, Tuy Phước	56	19	113,20	113,20	-	438.500.000	317.293.000	23.045.000	-	32.000.000	810.838.000
III. Các trường hợp giải tỏa một phần, có GCN QSD đất (03 trường hợp)													
5	Ông Nguyễn Tuấn Anh, bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	10	966	94,50	27,50	67,00	137.500.000	-	-	-	-	137.500.000
6	Bà Lê Thị Hoa Hường	Thôn Nhân Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	10	968	94,50	18,10	76,40	90.500.000	-	-	-	-	90.500.000
7	Bà Võ Thị Hồng Hoa	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	10	969	105,00	14,50	90,50	72.500.000	-	-	-	-	72.500.000
IV. Các trường hợp giải tỏa một phần, không có giấy tờ về QSD đất (03 trường hợp)													
8	Hộ ông Phan Đức Thu	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận, Tuy Phước	56	18	332,90	185,90	147,00	464.750.000	434.582.000	42.368.000	2.985.000	19.500.000	964.185.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đo đạc phục vụ dự án năm 2020 - 2021					Thành tiền (Đồng)					Tổng tiền (đồng)
			Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích (m2)	DT thu hồi (m2)	DT còn lại (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về nhà	Bồi thường, hỗ trợ về VKT	Bồi thường cây trồng	Các khoản hỗ trợ khác + thưởng tiến độ GPMB	
9	Hộ bà Phan Thị Khánh	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận, Tuy Phước	56	27	149,80	73,30	76,50	258.000.000	350.070.000	22.450.000	-	19.000.000	649.520.000
10	Hộ ông Nguyễn Đăng Khoa (chết), Nguyễn Thị Sinh	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận, Tuy Phước	26	46	233,60	38,00	195,60	95.000.000	11.025.000	8.934.000	2.765.000	5.000.000	122.724.000
V.	Các hộ giải tỏa 01 phần (03 trường hợp)												
11	Ông Trần Đông và bà Nguyễn Thị Thảo	Thôn Lộc Hạ, xã Phước Thuận, Tuy Phước	5	295	392,90	75,70	317,20	107.229.000	12.597.000,00	35.736.000	13.205.000	5.000.000	173.767.000
12	Hộ bà Nguyễn Thị Chín (chết), con ĐDKK: Phạm Văn Cườm	Thôn Lộc Hạ, xã Phước Thuận, Tuy Phước	5	538	764,70	32,00	732,70	45.328.000	-	32.631.000	12.720.000	-	90.679.000
13	Ông Nguyễn Công Quang và vợ Trần Thị Dư	Thôn Lộc Hạ, xã Phước Thuận, Tuy Phước	5	418	686,20	5,20	681,00	7.366.000	-	2.550.000	3.421.000	-	13.337.000
I	Tổng cộng (làm tròn): 1+2+...+ 15:				3.257,30	873,40	2.383,90	3.102.673.000	1.263.772.000	208.728.000	37.815.000	109.500.000	4.722.488.000
II	Chi phí phục vụ công tác GPMB (I*2%):												94.450.000
III	Chi phí dự phòng cưỡng chế (II*10%):												9.445.000
IV	Tổng (I+II+III):												4.826.383.000